

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lệ

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 25-10-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái Quốc H, sinh năm 1978; địa chỉ: hẻm B Đường M, phường L, thành phố R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: đường L, tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông H có mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Thái Quốc H trình bày:

Ông H và bà T tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau vào năm 2004. Có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được Ủy ban nhân dân phường L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 28-9-2004. Hôn nhân hai bên là tự nguyện, không bị ép buộc.

Quá trình vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần là do trong quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong lối sống và cách suy nghĩ, vợ chồng ông bà luôn cãi vã nhau, ảnh hưởng đến con cái. Một phần do bà T không lo làm ăn mà đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, ông đã khuyên nhiều lần nhưng không được. Tình trạng hôn nhân mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, ông H và bà T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống được nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 15-3-2005. Sau khi ly hôn ông H đồng ý giao con chung cho bà T nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Bà T và ông H kết hôn với nhau vào năm 2004, tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng với người khác. Sau khi bà biết, ông H đã hứa không tái phạm nữa, tuy nhiên được một thời gian ông H vẫn không thay đổi. Về yêu cầu ly hôn của ông H, bà T chấp nhận ly hôn nếu ông H đồng ý chia tài sản chung.

Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung là Nguyễn L, sinh ngày 15-3-2005. Bà T không có ý kiến đối với con chung.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai ngày 16-3-2021 bà T yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tại đường M, phường L, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc ông H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thái Quốc H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị T; trú tại: đường L, tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Thái Quốc H yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thái Quốc H và bà Ngô Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã R (nay là thành phố R), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 28-9-2004, nên hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thái Quốc H:

Quá trình chung sống, ông H và bà T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong lối sống và cách suy nghĩ, ông bà luôn cãi vã nhau, ảnh hưởng đến con cái. Hơn nữa do bà T không lo làm ăn mà đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, ông đã khuyên nhiều lần nhưng không được, ông bà chính thức sống ly thân từ năm 2016.

Bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng với người khác bên ngoài, vợ chồng ông bà sống ly thân từ năm 2018.

Tuy việc xác định nguyên nhân mâu thuẫn của các đương sự khai không thống nhất, nhưng căn cứ vào các lời khai có tại hồ sơ thì ông H và bà T có mâu thuẫn trong thời kỳ hôn nhân là đúng, hiện nay ông bà đã sống ly thân, từ khi ly thân đến nay vợ chồng ông bà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không có biện pháp hòa giải hàn gắn gia đình.

Tại bản tự khai ngày 16-3-2021 tại Tòa án nhân dân thị xã P, bà T đưa ra điều kiện là bà sẽ chấp nhận ly hôn với ông H nếu ông H đồng ý chia tài sản là căn nhà tọa lạc tại đường M, phường L, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng từ khi ly thân cho đến quá trình giải quyết tại Tòa án bà T không gặp ông H, không tham gia hòa giải theo yêu cầu của Tòa án, không đưa ra được biện pháp hay lý do gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng mà chỉ nói đến vấn đề tài sản, trong quá trình làm việc Tòa án cũng đã hướng dẫn cho bà T được quyền làm đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung và cung cấp các giấy tờ hợp lệ nhưng bà T không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đó, việc bà T đưa ra lý do chia tài sản mới đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận, nếu bà T muốn yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền làm đơn khởi kiện tranh chấp tài sản sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông H về việc xin ly hôn với bà T là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Trích lục khai sinh số 298 ngày 22-7-2019 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì ông Nguyễn Thái Quốc H và bà Ngô Thị T có 01 con chung là Nguyễn L, sinh ngày 15-3-2005.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H đồng ý giao con chung cho bà T nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng.

Cháu L đã 16 tuổi, theo bản tự khai của cháu thì hiện nay cháu đang sống cùng với bà T và cháu L đang học nghề tại trường Vabis Hồng Lam, K14; địa chỉ: đường C, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu L có nguyện vọng được sống với bà T để thuận tiện cho việc học sau này. Trong vụ án này, bà T cũng không tranh chấp quyền nuôi con, ông H đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, cháu L có nguyện vọng được sống với bà T. Để không làm ảnh hưởng cuộc sống của con chung, cũng như đảm bảo điều kiện sống, phát triển tốt nhất cho cháu, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét giao cháu Nguyễn L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thái Quốc H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thái Quốc H được ly hôn với bà Ngô Thị T.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Ngô Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn L, sinh ngày 15-3-2005. Ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thái Quốc H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông H phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006288 ngày 22-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông H còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-11-2021) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. P, tỉnh BR-VT;
- UBND phường L, TP. R, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Tình